

Thờ cúng Thành hoàng tại huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng: những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay

Hoàng Văn Chung*, Nguyễn Ngọc Mai**

Nhận ngày 28 tháng 6 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 9 năm 2022.

Tóm tắt: Thờ cúng Thành hoàng là thành tố cốt yếu của tín ngưỡng Thành hoàng. Tín ngưỡng này có vị trí quan trọng trong đời sống văn hoá truyền thống của người Kinh ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, phản ánh thế giới quan đa thần của các cộng đồng dân cư sinh sống theo làng. Vùng đồng bằng Bắc Bộ là nơi tín ngưỡng Thành hoàng từng hình thành và phát triển mạnh mẽ, có lúc lắng chìm trước điều kiện lịch sử, và rồi phục hồi mạnh mẽ trong giai đoạn ba, bốn thập niên trở lại đây. Nghiên cứu vận dụng Tôn giáo học này tập trung làm rõ những vấn đề đang đặt ra về hiện trạng và quá trình phục hồi của tín ngưỡng Thành hoàng ở huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng đặt trong xã hội nơi đây có sự chuyển đổi mạnh mẽ trên hầu hết các phương diện kể từ Đổi mới. Các dữ liệu chúng tôi phân tích được thu thập trong hai năm 2020-2022 triển khai tại huyện Kiến Thụy - một địa phương mang nhiều đặc sắc về tín ngưỡng Thành hoàng nhưng còn ít được giới nghiên cứu quan tâm.

Từ khóa: Thành hoàng làng, tín ngưỡng Thành hoàng, phục hồi nghi lễ, Kiến Thụy.

Phân loại ngành: Tôn giáo học

Abstract: Worshipping Thành hoàng (tutelary god) is an essential element of this belief. Such belief plays an important role in the traditional cultural life of the Kinh people in the Northern Delta, reflecting the polytheistic worldview of the communities living in villages. The Northern Delta is the place where the tutelary faith once formed and flourished, sometimes subsided before historical conditions, and then recovered strongly in the last three or four decades. This applied study of religion focuses on clarifying the current issues and the recovery process of the tutelary belief in Kiến Thụy district, Hải Phòng city, in the society where there is a transformation in most respects since Đổi mới. The data that the authors analyzed were collected in the two years 2020-2022 in Kiến Thụy district - a locality with many unique characteristics about the tutelary belief but still receives little attention from researchers.

Keywords: Village tutelary god, tutelary belief, ritual restoration, Kiến Thụy.

Subject classification: Religious Studies

1. Dẫn nhập

Tín ngưỡng Thành hoàng là một thành tố quan trọng trong đời sống văn hoá truyền thống, đặc biệt là người Kinh ở vùng đồng bằng Bắc Bộ (Nguyễn Duy Hinh, 1996). Tín ngưỡng này phản ánh một cách hết sức sinh động niềm tin và việc thờ cúng đa thần của cộng đồng dân cư sinh sống trong làng xã. Tín ngưỡng Thành hoàng ở đây được hiểu là niềm tin và thực hiện nghi lễ thờ cúng hướng tới các vị thần có quyền năng siêu nhiên đối với cộng đồng dân cư sống trong một ngôi làng.

*** Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: vanchung.hoang@gmail.com

Vùng đồng bằng Bắc Bộ là nơi tín ngưỡng Thành hoàng đã hình thành và nở rộ, có giai đoạn lặn lẽ chìm vào ký ức cộng đồng và rồi phục hồi mạnh mẽ trong giai đoạn ba, bốn thập niên trở lại đây. Sự phục hồi của tín ngưỡng dân gian nói chung và tín ngưỡng Thành hoàng nói riêng gắn với công cuộc Đổi mới toàn diện của Đảng và nhà nước từ năm 1986 đến nay, đi cùng với sự phục hồi nói chung của đời sống tôn giáo trên phạm vi cả nước.

Xứ Đông xưa vốn bao gồm Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng và Quảng Ninh, là một trong những vùng phen dậu đặc biệt cho kinh thành Thăng Long. Vùng đất thuộc Hải Phòng và Quảng Ninh ngày nay trước đây được coi là tiền đồn phòng thủ của quân dân Đại Việt. Các cuộc thủy chiến lớn với những thắng lợi vang dội khởi đầu là trận chiến với quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938 của người anh hùng Ngô Quyền, sau đó là thắng lợi trong trận huyết chiến với quân xâm lược phương Bắc vào năm 1258 dưới vai trò lãnh đạo của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.

Những chiến tích phi thường nói trên để lại nhiều di sản thể hiện sự tri ân và tưởng nhớ, mà trong đó có những công trình được xây dựng lên để tôn thờ những người có đóng góp lớn lao, cũng như những vị thần được tin rằng đã hiển linh giúp quân và dân giành chiến thắng. Đó là một trong những lý do khiến cho Hải Phòng có rất nhiều đình làng thờ thần Thành hoàng làng. Huyện Kiến Thụy nổi lên là một vùng đất gần sát biển có nhiều cơ sở thờ thần Thành hoàng làng (Ngô Đăng Lợi, 2010). Đây là địa phương vừa giàu truyền thống lịch sử và văn hóa, với vùng Dương Kinh là quê hương của vương triều nhà Mạc trước đây, đồng thời cũng là nơi có nhiều chuyển biến mạnh mẽ do những tác động của hiện đại hoá, công nghiệp hoá, đô thị hoá, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế ngày hôm nay.

Tín ngưỡng Thành hoàng, dù phổ biến ở Việt Nam, vẫn mang trong mình những đặc thù của mỗi địa phương, trong sự tương quan với các điều kiện cụ thể về đời sống kinh tế và lối sống (Đỗ Lan Phương, 2018, tr.338). Nhiều nghiên cứu về tín ngưỡng Thành hoàng và sự phục hồi tín ngưỡng này qua thực hành nghi lễ thờ cúng và tổ chức lễ hội đã được thực hiện tập trung ở các địa phương nằm sâu trong đất liền như: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nội, Hà Tây (cũ)... Nhưng nghiên cứu về tín ngưỡng Thành hoàng ở vùng đất mở mang về phía biển như Hải Phòng còn rất hiếm hoi. Một số ít tên tuổi được biết đến chủ yếu là: Ngô Đăng Lợi, Trịnh Minh Hiền, và gần đây có thêm Chu Xuân Giao, Ngô Minh Khiêm, Đoàn Trường Sơn,... Tín ngưỡng Thành hoàng của cư dân vùng duyên hải có điểm nào chia sẻ với tín ngưỡng Thành hoàng nói chung, có điểm nào là đặc thù? Những khác biệt đó có liên hệ thế nào với bối cảnh sống? Mặt khác, nếu nói rằng đã có sự phục hồi, thì sự phục hồi đã đi theo mô thức nào? Có phải là phục hồi nguyên trạng như từng biết, hay là có sự sáng tạo theo những động cơ mới, do đó ít nhiều sẽ làm biến đổi tín ngưỡng này? Việc nhận biết những vấn đề nào đang đặt ra từ tình hình hiện nay và các xu hướng đã và đang diễn ra là rất cần thiết cho nhận thức của chúng ta về tín ngưỡng thần Thành hoàng trong giai đoạn hiện nay.

Bài viết này¹ tập trung làm rõ những vấn đề đang đặt ra của tín ngưỡng thần Thành hoàng, cụ thể hơn là hoạt động thờ cúng thần Thành hoàng làng, ở huyện Kiến Thụy, Hải Phòng trong bối cảnh phục hồi của tôn giáo dân gian và trong bối cảnh xã hội có sự chuyển đổi mạnh mẽ trên hầu hết các phương diện kể từ Đổi mới. Bài viết dựa trên phân tích các tài liệu thu thập được trong hai năm 2021-2022 tại huyện Kiến Thụy. Đây là giai đoạn Covid-19 bùng phát, nên chủ yếu chúng tôi thực hiện quan sát từ xa những thực hành nghi lễ. Với những nghi lễ và lễ hội không có cơ hội quan sát

¹ Bài viết này là kết quả của đề tài khoa học cấp Bộ của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam mang tên *Nghiên cứu tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở Kiến Thụy, Hải Phòng* do TS. Hoàng Văn Chung, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, làm chủ nhiệm.

trực tiếp do dịch Covid-19 bùng phát trở lại, chúng tôi thực hiện các phỏng vấn sâu với kỹ thuật hỏi cố để có thông tin cần thiết. Chúng tôi cũng tham vấn nhiều chuyên gia là người địa phương và người làm việc ở trung ương để có cái nhìn đa chiều với những câu hỏi mà nghiên cứu này đã đặt ra, đồng thời đối chiếu các thông tin đó với các thông tin có được qua phỏng vấn sâu các đại diện chính quyền và đại diện cộng đồng dân cư. Ba địa bàn điển hình đã chính được chọn là thôn Hoà Liễu (xã Thuận Thiên), thôn Kim Sơn (xã Tân Trào) và thôn Đại Trà (xã Đông Phương). Đây là các thôn có điểm chung về sự sinh động của thờ cúng thần Thành hoàng làng và những đặc thù trong cơ sở thờ cúng tổ chức lễ hội.

Huyện Kiến Thụy nằm về phía Đông Nam của thành phố Hải Phòng, cách trung tâm thành phố chỉ 20km. Cái tên Kiến Thụy như một đơn vị hành chính đã xuất hiện từ thế kỷ XIX, trải qua nhiều lần chia tách, sáp nhập để có hiện trạng như ngày nay. Từ năm 2007, theo Nghị định số 145/2007/NĐ-CP do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 12/9/2007, huyện Kiến Thụy còn 10.753 ha diện tích tự nhiên và có 18 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm các xã: Đông Phương, Đại Đồng, Hữu Bằng, Thuận Thiên, Du Lễ, Ngũ Phúc, Kiến Quốc, Thụy Hương, Thanh Sơn, Đại Hà, Ngũ Đoan, Tân Trào, Đoàn Xá, Đại Hợp, Tú Sơn, Tân Phong, Minh Tân và thị trấn Núi Đồi. Phía bắc và tây bắc, huyện Kiến Thụy giáp quận Dương Kinh và quận Kiến An; phía đông và đông nam giáp quận Đồ Sơn và vịnh Bắc Bộ; phía nam và tây nam giáp huyện Tiên Lãng; phía tây giáp huyện An Lão. Trụ sở hành chính của huyện đặt tại thị trấn Núi Đồi.

Vừa nằm gần các tuyến đường giao thông chính của thành phố Hải Phòng, vừa gần biển, lại vừa gần các khu công nghiệp lớn, Kiến Thụy hiện là một huyện đang chuyển đổi mạnh mẽ từ sản xuất nông nghiệp kiểu truyền thống sang mô hình hiện đại (tích tụ ruộng đất để sản xuất quy mô lớn, ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và vật nuôi). Đồng thời, các lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi công nghiệp và bán công nghiệp được người dân đầu tư và chính quyền hỗ trợ về chính sách để phát triển (Liên Đoàn, 2021). Ở vùng nông thôn, đa số lực lượng lao động trẻ thường xuyên đi học, đi làm xa nhà trong thành phố hoặc tại các khu công nghiệp. Đồng thời, Kiến Thụy là một trong những huyện được tập trung đẩy mạnh tốc độ đô thị hoá theo quy hoạch tầm nhìn đến năm 2030 của thành phố Hải Phòng. Trong tình hình đó, văn hoá, lối sống, quan hệ gia đình và xã hội, phương thức làm ăn kinh tế của các cộng đồng dân cư trong huyện đã có sự thay đổi mạnh mẽ so với trước giai đoạn Đổi mới.

2. Khái lược hiện trạng thờ cúng thần Thành hoàng làng ở huyện Kiến Thụy

Sự phục hồi lễ hội và các thực hành nghi lễ tôn giáo nói chung, thờ cúng thần Thành hoàng làng nói riêng, là một quá trình có thể quan sát rõ ở Hải Phòng kể từ Đổi mới đến nay. Theo Báo cáo kiểm kê năm 1976-1977 của Bảo tàng Hải Phòng, ở huyện Kiến Thụy khi đó có 73 nơi thờ cúng với 215 lượt vị thần được thờ (Ngô Đăng Lợi, 2021, tr.57). Trong bối cảnh chung của sự sôi động trở lại của tín ngưỡng thờ thần Thành hoàng làng ở Hải Phòng từ Đổi mới, Kiến Thụy là một địa phương khá tiêu biểu. Số liệu do Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Kiến Thụy cho biết hiện có 55 cơ sở thờ cúng, tại đó thờ 118 vị Thành hoàng làng (Ngô Minh Khiêm, 2021, tr.75). Số liệu này cho thấy có những đình làng thờ nhiều hơn một vị thần Thành hoàng. Mỗi vị thần Thành hoàng đều có ngày giỗ kỵ và thường đó là ngày cộng đồng tổ chức lễ hội. Một khảo sát năm 2008 cho thấy huyện Kiến Thụy còn giữ được 248 văn bia, chứa đựng nhiều thông tin giá trị về các vị thần được thờ (Nguyễn Thị Kim Hoa, 2008).

Những nơi thờ cúng thần Thành hoàng làng trong huyện, chủ yếu là các ngôi đình làng, dù có nguồn gốc lâu đời, lại chỉ được phục dựng hoặc trùng tu lớn trong thời gian vài thập niên gần đây. Do đó, các cơ sở này hầu hết được cấu thành bởi các vật liệu và kỹ thuật xây dựng thời hiện đại,

hiếm công trình nào có sự cầu kỳ hay tinh xảo về kiến trúc nghệ thuật truyền thống. Hầu như không có ngôi đình nào được bảo lưu nguyên trạng về kiến trúc, nghệ thuật trang trí, vật liệu xây dựng... nếu tham chiếu đến các ngôi đình cổ nổi tiếng ở địa phương khác như đình Bảng (Bắc Ninh), đình So, đình Tây Đằng (Hà Nội).

Trong các cơ sở thờ cúng, nổi bật là đình Đại Trà, xã Đông Phương. Đây là một ngôi đình có lịch sử lâu đời, nằm ngay trên mảnh đất Dương Kinh xưa của vương triều Mạc. Đình Đại Trà gắn bó chặt chẽ với đời sống tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo; là nơi lưu giữ và “tái tạo” nghi lễ truyền thống thờ thần Thành hoàng của người dân tổng Đại Trà đã trải qua bao biến thiên của thời gian, lịch sử. Đình được xây lại vào năm 1984 và nâng cấp đáng kể vào năm 2013. Ở đây, có 24 sắc phong còn được lưu giữ nguyên vẹn. Bậc cao niên nhận xét rằng người dân trong xã không phải ai cũng ra chùa làm lễ, nhưng tuyệt đại đa số đều ra đình làm lễ vào những dịp lễ hội trong năm. Đình hiện được xếp hạng là di tích lịch sử, văn hoá cấp quốc gia.

Cách đó không xa, thôn Hòa Liễu (xã Thuận Thiên) ngày nay trở nên nổi tiếng với sự phục hồi lễ hội Minh thế tại đền - chùa Hòa Liễu, với lời thề không tham nhũng (Chu Xuân Giao, Phan Lan Hương, 2012). Trong khi đó, thôn Kim Sơn (xã Tân Trào) nổi tiếng với lễ hội vật cầu. Thờ cúng thần Thành hoàng tại các thôn này ở Kiến Thụy vừa mang đặc điểm của sinh hoạt tín ngưỡng dân gian truyền thống vùng đồng bằng Bắc Bộ, vừa mang đặc thù địa phương thể hiện rất rõ ở cơ sở thờ tự, thực hành nghi lễ, cộng đồng người dân. Tại các xã khác, chúng tôi cũng quan sát được sự quan tâm phục dựng, tôn tạo các cơ sở thờ cúng thần Thành hoàng của làng, sự khôi phục thực hành nghi lễ và tổ chức lễ hội thường niên.

Theo các nhà nghiên cứu và các tài liệu thu thập được trong quá trình điền dã, chúng tôi thấy có một số điểm nổi bật của hiện trạng thờ cúng thần Thành hoàng ở Kiến Thụy như sau: (i) về cơ bản, thờ cúng thần Thành hoàng ở Kiến Thụy có sự tương đồng về mô thức đã phổ biến ở đồng bằng Bắc Bộ; (ii) các vị thần Thành hoàng được thờ nơi đây có sự đa dạng lớn trên các phương diện như giới tính (có cả nam và nữ), nguồn gốc (trong và ngoài huyện; trong và ngoài nước), công trạng (đánh giặc giữ nước, xây dựng cộng đồng, dạy nghề...). Đồng thời, sự đa dạng về đối tượng thờ cúng đi cùng sự đa dạng về nghi lễ, kiêng kỵ, lễ phẩm, và lễ hội; (iii) có sự phục hồi khá đồng đều việc thực hiện nghi lễ, tổ chức lễ hội gắn với thờ cúng thần Thành hoàng của làng ở hầu khắp các địa phương. Đi cùng sự phục hồi lễ hội là phong trào phục dựng, tôn tạo các cơ sở thờ thần Thành hoàng làng, chủ yếu là các ngôi đình; (iv) có những lễ hội ở Kiến Thụy rất độc đáo so với vùng đồng bằng Bắc Bộ, thậm chí là cả nước (như: lễ hội Minh thế, lễ hội rước cá sủ vàng, lễ hội rước lợn ông Bò, lễ hội vật cầu...). Những lễ hội này có thời điểm bị ngắt quãng không tổ chức hoặc thu hẹp tối đa về quy mô, ngày nay đang được phục hồi; (v) các cộng đồng dân cư đều có ý thức cao và sự chủ động đáng kể trong quá trình phục hồi thực hành nghi lễ và tổ chức lễ hội liên quan đến thần Thành hoàng mà làng mình tôn thờ. Sự đa dạng các nguồn lực huy động được đóng vai trò quan trọng cho việc nâng cấp mau chóng về giao diện, độ kiên cố cho cơ sở thờ cúng, và quy mô cho tổ chức lễ hội. Đồng thời, việc phục hồi cơ sở thờ cúng và lễ hội nhận được ủng hộ, hỗ trợ rất tích cực của chính quyền thành phố và địa phương; (vi) có những cải biến, thay đổi đáng kể trong quá trình phục dựng các nghi lễ và lễ hội đó. Điểm thứ sáu này đi cùng với những vấn đề đang đặt ra mà chúng tôi sẽ thảo luận sâu hơn ở phần sau.

3. Một số vấn đề đang đặt ra

3.1. Khó khăn với quá trình phục dựng thần tích, thần sắc

Vì nhiều lý do chủ quan và khách quan, việc bảo lưu và trao truyền các giấy tờ, tài liệu, chứng tích đối với việc thờ cúng thần Thành hoàng của các làng không được thực hiện tốt. Giai đoạn chiến tranh

không chỉ làm các cơ sở thờ cúng bị bỏ rơi, bị tàn phá, hoặc bị chuyển đổi mục đích sử dụng, mà các hiện vật (đồ thờ cúng, sắc phong, bia đá,...) bên trong chúng cũng bị hư hao hay thất lạc đáng kể. Hệ quả là nhiều cộng đồng bị mất mát ít nhiều, thậm chí không còn giữ được thông tin gốc đã được văn bản hoá về thần tích, thần sắc. Ví dụ, đình Kim Sơn ở xã Tân Trào được biết là ngôi đình có lịch sử lâu đời, lại gắn với quá trình hoạt động cách mạng thời hiện đại, nhưng ngoài lễ hội vật cầu và tên vị thần Thành hoàng (vốn chỉ một số bậc trí thức trong làng biết là Vũ Muối) thì cộng đồng không còn giữ được dữ liệu nào, chẳng hạn như sắc phong, bài vị,... Điều này khiến cho việc phục dựng thần tích, thần sắc là hầu như không có cơ sở và nói chung là thiếu thông tin cơ bản. Đình Đại Trà được biết là nơi có rất nhiều sắc phong được lưu giữ, nhưng theo các bậc già làng thì con số sắc phong họ từng biết là nhiều hơn hiện nay (28 so với 24). Bên cạnh đó, một số đồ thờ quý đã bị mất, chẳng hạn như “quán tầy” và “con nghê bằng gỗ”. Các thông tin này cho thấy sự hao hụt, mất mát các nguồn tài liệu gốc là trở ngại rất lớn cho việc xác định nguyên gốc và bề dày lịch sử của một cơ sở thờ cúng, cũng như sự đầy đủ về lai lịch, công trạng của vị thần Thành hoàng được thờ.

Một vấn đề khác là khi tiến hành tiêu thổ kháng chiến năm 1946, hoặc khi đình làng bị trưng thu và chuyển đổi mục đích sử dụng trong cao trào xây dựng hợp tác xã trước đây, các đồ thờ, thần tích, sắc phong, tượng,... hoặc bị tiêu hủy, hoặc di chuyển vào các cơ sở thờ cúng khác trong làng như đền, chùa. Khi đình và miếu Hòa Liễu bị phá dỡ, đồ thờ thần Thành hoàng được đưa vào đền. Quá trình này không tránh khỏi làm hư hao, thất lạc những đồ thờ chứa nhiều thông tin về thần Thành hoàng. Ngay cả khi các dữ liệu về thần được bảo lưu, số người trong cộng đồng có thể tiếp cận, đọc hiểu cũng hiếm hoi và ngày càng ít hơn trước. Theo thời gian, các thế hệ người cao tuổi biết Hán tự cũng như ghi nhớ các truyện kể truyền đời về sự tích của thần Thành hoàng ở các làng ngày một thưa thớt dần đi. Còn nhiều thần tích thần phả ở các cơ sở tín ngưỡng vẫn để nguyên bản bằng chữ Hán mà chưa được dịch ra chữ quốc ngữ, hoặc đã được dịch nhưng chưa được hiệu đính cho chuẩn xác. Quá trình điền dã, trao đổi với cư dân ở một số địa phương ở Kiến Thụy cho thấy người dân, thậm chí là các cụ trong đội tế của làng, cũng không thể trả lời nhất quán và chính xác như nhau về tên gọi, lai lịch, công trạng của vị thần Thành hoàng thờ trong đình làng mình. Trong khi những người cao tuổi (có hiểu biết, có tâm huyết và dành nhiều thời gian và công sức cho hoạt động thờ cúng thần Thành hoàng) ngày càng thưa vắng đi, thì các thế hệ trẻ ngày càng ít quan tâm đến vấn đề này. Vì thế, việc tìm được người đủ các điều kiện về nhân cách, uy tín, kinh nghiệm, hiểu biết và trách nhiệm tham gia vào các hoạt động thờ cúng, tế lễ, quản lý ở đình ngày càng trở nên khó khăn. Bên cạnh đó, chúng tôi chưa thấy có sáng kiến hay mô hình nào hiệu quả để có thể thu hút người còn trẻ tuổi tham gia sớm và sâu hơn vào các hoạt động thờ cúng và tổ chức lễ hội của cộng đồng.

Ban quản lý di tích tại các cơ sở thờ thần Thành hoàng ở Kiến Thụy hiện nay tuân theo mô hình phổ biến ở đồng bằng Bắc Bộ là kết hợp giữa đại diện chính quyền nhà nước và đại diện cộng đồng sở tại. Tại đó, các thành viên cộng đồng chủ yếu là người cao tuổi, có sự am hiểu và có tinh thần trách nhiệm cao với việc thờ cúng tại đình làng. Đại diện chính quyền thường là cán bộ văn hóa của xã. Mô hình sẽ hiệu quả nếu cán bộ văn hoá có sự am hiểu sâu sắc về lịch sử địa phương, các truyền thống thờ cúng và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động này. Nhưng mô hình này đã và đang bộc lộ những bất cập khi các cán bộ được giao phó tham gia Ban đại diện là người trẻ tuổi, hầu như chưa nắm rõ thần tích, thần phả, và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo tồn và phát huy các di sản tôn giáo dân gian như: Luật Di sản Văn hóa (2013); Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo (2016); các nghị định hướng dẫn thi hành luật; cũng như chưa có hiểu biết nhiều về các lễ nghi liên quan đến tế tự, kiêng kỵ, tục hèm... Do đó, khi cộng đồng có ý tưởng, đề xuất, hay yêu cầu gì

liên quan đến hoạt động phục dựng, sửa sang, tôn tạo cơ sở thờ cúng; liên quan đến phục dựng và tổ chức nghi lễ tập thể, lễ hội cộng đồng; liên quan đến quá trình hồ sơ hoá và di sản hoá di tích..., họ sẽ gặp khó khăn do thiếu sự tư vấn tại chỗ phù hợp, và hiệu quả.

3.2. Nhu cầu khó được đáp ứng về đất đai dành cho cơ sở thờ cúng và tổ chức lễ hội

Do những tác động của chính sách trước đây, nên cũng như nhiều địa phương khác trong đồng bằng Bắc Bộ, ở một số địa phương tại Kiến Thụy, đình làng bị phá bỏ và nền đất cũ đã bị chuyển đổi mục đích sử dụng. Những nơi đình không bị phá bỏ, và cả vùng di tích còn giữ được không gian lõi, thì phần diện tích của không gian phụ (sân, vườn, hồ, ao, đường đi,...) đã bị thu hẹp nhiều lần. Hiện nay, chính quyền rất khó có thể thu hồi lại những thửa đất từng thuộc về không gian thờ cúng của cộng đồng ấy, trong khi việc cấp đất mới cũng khó khả thi khi quỹ đất hầu như không còn. Hoặc quỹ đất, nếu còn, thường được ưu tiên cho những nhu cầu phát triển kinh tế hơn là cho mục đích tôn giáo, tín ngưỡng. Những nơi như di tích đình Đại Trà hay di tích đình Kim Sơn gần như không thể được mở rộng về đất đai, trong khi đó, người dân ở Hòa Liễu từ lâu đã không còn đình và cũng chưa có đất để xây đình.

Trong khi đó, đất dành cho đình làng phải là thửa lớn, nằm ở vị trí trung tâm, phải có dư để làm cảnh quan, đường đi, cùng với không gian trống đủ rộng để tổ chức lễ hội cộng đồng và phục vụ khách phương xa tới thăm và làm lễ. Tất cả những điều này khiến cho một phần đất công rất đáng kể sẽ phải bố trí nếu phục dựng hay xây mới đình làng. Ngày nay, khi chính quyền khó giải quyết bài toán đất đai cho không gian thờ cúng thần Thành hoàng của làng, người dân trông chờ chủ yếu vào sự hiến tặng, tài trợ của những nhà hảo tâm. Tuy nhiên, những phức tạp về thủ tục pháp lý trong vấn đề này là một rào cản.

Ngay cả với những ngôi đình còn giữ được hoặc đã kịp thời được xây dựng lại ngay giai đoạn đầu Đổi mới, thì việc có được đất đai hợp pháp để làm các công trình phụ trợ hay tổ chức lễ hội cộng đồng là khó khả thi, khi mà quỹ đất ngày càng khan hiếm, đất đỏ, và, nếu có, lại thường được ưu tiên cho các mục đích sinh lời về kinh tế. Các ngôi đình xưa kia đứng bề thế giữa làng, với bóng cây cổ thụ, nay dần chìm khuất giữa các công trình dân dụng ngày càng chen chúc, chật chội và vươn cao.

3.3. Xu thế cải biên khi phục dựng nghi lễ và tổ chức lễ hội

Từ Đổi mới đến nay, phục dựng lễ hội văn hoá truyền thống đã là một hiện tượng phổ biến trên cả nước. Một vấn đề thường gây tranh luận là phục dựng lễ hội đảm bảo được tính nguyên trạng đến mức nào và sự xuất hiện các yếu tố mới nếu không được kiểm soát sẽ gây ra nhiều biến đổi (Nguyễn Ngọc Mai, 2021, tr.26). Một nghiên cứu đã khái quát 3 xu hướng phục dựng lễ hội truyền thống ở Việt Nam, bao gồm: “Phục dựng nguyên bản (như người ta nhớ, người ta hiểu); phục dựng có phát triển thêm; phục dựng chỉ là cái cốt, còn làm mới gần như hoàn toàn” (Lê Hồng Lý, 2018, tr.112-116). Trong ba xu hướng này, hai xu hướng đầu cũng được ghi nhận là đã diễn ra phổ biến ở Kiến Thụy.

Nhìn chung, các lễ hội thể hiện sự thờ cúng thần Thành hoàng ở Kiến Thụy hiện nay hầu như đã được phục dựng lại, đặc biệt gặp thuận lợi ở những địa phương vẫn còn giữ được cơ sở thờ cúng (đình làng hoặc miếu thờ). Tuy nhiên, có một số vấn đề đã nảy sinh và tồn tại. Sự phục dựng lễ hội cộng đồng chủ yếu là phục dựng những điểm cơ bản, chứ không phục dựng tương đối hoàn chỉnh giống như mô thức ngàn đời đã quen thuộc với người dân địa phương. Trong hầu hết các trường hợp, sự phục dựng lễ hội đi cùng với phát triển, hay nói cách khác là cải biên. Trong một số trường hợp cá biệt, sự cải biên mang tính miễn cưỡng, để phù hợp với chính sách, pháp luật và chủ trương của

chính quyền. Lễ hội ở đình Đại Trà (xã Đông Phương) trước đây không thể thiếu phần thi đốt pháo đùng vào ngày mùng 4 Tết âm lịch (liên quan đến vị thần Thành hoàng được thờ là Chu Xích Công). Theo đó, sẽ có phần rước pháo và thi đốt pháo trong lễ hội, điều đã ăn sâu vào tiềm thức người dân địa phương và các vùng lân cận. Sau Đổi mới, chỉ 2 năm từ khi lễ hội trong đó có nội dung rước pháo và thi đốt pháo được phục dựng thì, năm 1994, Chính phủ ban hành Chỉ thị số 406-TTg ngày 8/8/1994 về cấm sản xuất, buôn bán và đốt pháo nổ. Thực hiện chỉ thị này, lễ hội pháo Đùng bị dừng từ năm 1995 đến nay. Việc tổ chức lễ hội phải điều chỉnh theo cách rút xuống còn quy mô nhỏ hẹp, tổ chức tại khuôn viên trong đình, và loại bỏ hoàn toàn các nội dung thi đốt pháo và rước pháo quanh làng. Cộng đồng dân cư trong các năm qua vẫn luôn thể hiện mong muốn phục dựng lại lễ hội một cách đầy đủ. Chính đại diện người dân Đại Trà đã chủ động thương thuyết với chính quyền các cấp về việc được tổ chức rước pháo (mô hình) trong khuôn viên và chấp nhận không tổ chức thi đốt pháo nữa, nhưng đề nghị của họ cho đến nay vẫn bị từ chối. Nhưng trong thực tế, ở Đồng Kỵ (Bắc Ninh), hội rước pháo vẫn được phép diễn ra (tất nhiên đã có cái biên), thậm chí đã được nhà nước công nhận là “di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia” vào năm 2016. Do đó, khó khăn trong phục dựng lễ hội ở đây còn có nguyên nhân từ chính quyền địa phương. Sự cải biên luôn đặt ra một cách tất yếu với các lễ hội, bởi những thay đổi trong chính sách và pháp luật của nhà nước tùy từng thời kỳ. Vấn đề đặt ra là cần tháo gỡ được những mâu thuẫn trong cái biên lễ hội để vừa đáp ứng nhu cầu của cộng đồng dân cư, lại vừa tuân thủ các quy định pháp luật.

Trong những trường hợp khác, sự cải biên hướng lễ hội tới phục vụ đối tượng khán giả rộng lớn hơn là người dân địa phương. Ví dụ, qua trao đổi với đại diện cộng đồng, chúng tôi được biết lễ hội vật cầu ở Kim Sơn (xã Tân Trào) dù cơ bản là làm theo lễ lối cũ, đã có những sự điều chỉnh trong quá trình tổ chức để thuận lợi hơn cho người xem lễ hội và đáp ứng yêu cầu về đưa tin của các phương tiện truyền thông nhà nước. Khâu trọng tài cho các cuộc vật cầu cũng có sự điều chỉnh khéo léo và linh hoạt để làm giảm nguy cơ người chơi bị chấn thương, giảm tính bạo lực, hạn chế khả năng có đội thắng quá mau chóng mà kéo dài thời gian để làm tăng tính gay cấn... Lễ hội Minh thế ở Hoà Liễu (xã Thuận Thiên) cũng được điều chỉnh theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khán giả thập phương và giới làm chương trình truyền thông. Do đó, một sân khấu phục vụ trình diễn nghi lễ được thiết kế ở nơi cao hơn và dễ quan sát hơn bên cạnh sân nhỏ nơi vẽ vòng tròn thiêng cho nghi lễ Minh thế.

Dù sao, sự cải biên khi phục dựng và tổ chức lễ hội là không thể tránh khỏi. Sân khấu hoá lễ hội, trong đó có sự nhấn mạnh tính trình diễn, hướng tới phục vụ nhu cầu của cả người ngoài cộng đồng, là xu thế được quan sát rõ. Sự cải biên này dù không đến mức làm thay đổi bản chất, mục đích, ý nghĩa của hoạt động, nhưng rõ ràng phản ánh sự điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu, thị hiếu, và mối quan tâm của con người trong xã hội hiện nay. Một điểm nữa có thể chỉ ra là sự cải biên cũng thể hiện phương diện chính trị. Trong vấn đề lễ hội Minh thế ở Hoà Liễu, thì câu chuyện người dân địa phương thực hiện lời thề không tham nhũng của công (nguyên bản là ruộng đất và hoa lợi từ ruộng đất được cấp cho người dân trước đây phục vụ việc thờ cúng của cộng đồng) trở thành biểu trưng cho lời nhắc nhở không tham nhũng đối với những ai đang có quyền chức trong tay. Đó cũng là hình thức “chính trị hoá” lễ hội vì những mục đích rất thực tế, thực tiễn và đương thời. Việc chính quyền địa phương chưa xem xét phê chuẩn việc phục hồi hoàn toàn lễ hội đình làng Đại Trà là bởi các nội dung thi đốt pháo và rước pháo được giải thích là dễ kích thích việc người dân đốt pháo trở lại. Điều đó sẽ khiến cho chính quyền địa phương trở nên khó kiểm soát được tình hình, dẫn đến không hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo an ninh xã hội.

Sự cải biên, tất nhiên, cũng là lựa chọn tất yếu khi nhiều yếu tố hay cấu phần của lễ hội hiện giờ khó có thể khôi phục, mà lý do chính là không còn đủ người có khả năng thực hiện. Chẳng hạn như tục “hát đối”, “vật keo” (xã Thuận Thiên), tục “chạy đá”, “múa cờ” (xã Tân Trào), tổ chức hát chèo cổ, thi leo dây, múa rối, bịt mắt bắt dê (xã Đông Phương),... Trong khi đó, những yếu tố mới được bổ sung. Một ví dụ là việc xuất hiện đội tế nữ ở nơi thờ thần Thành hoàng. Trao đổi với đại diện Ban quản lý di tích đền - chùa Hoà Liễu, chúng tôi được biết ngày xưa vào ngày hội, chỉ có tế nam quan. Ngày này, do thiếu người không đủ lập đội tế nam quan, Hội kỳ lão chấp nhận đội tế nữ quan. Sự chấp nhận này cũng cho thấy sự thay đổi trong quan niệm, và đằng sau đó là sự linh hoạt cần thiết.

Sự cải biên cũng có xu hướng tuân theo những kịch bản và khuôn mẫu tổ chức của thời hiện đại đã phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đồng thời, sự cải biên cũng đi theo xu hướng biến các cơ sở tôn giáo thành những “sản phẩm du lịch”, thành những mắt xích trong những tuyến du lịch nội vùng và liên vùng. Vì thế, các lễ hội có xu hướng trở nên giống nhau nhiều hơn khi cùng nhấn mạnh tính trình diễn, nhấn mạnh các hiệu ứng về màu sắc, trang phục, âm thanh, quy mô hoành tráng. Điều này lại càng dễ diễn ra hơn với những nơi không còn lưu giữ được các thông tin cơ bản về thần tích, thần sắc, văn tế, điển lệ, tục hèm... Xu thế này ngày càng làm nhạt phai đi chất thô mộc, nguyên sơ, và thậm chí hồn nhiên, của lễ hội tín ngưỡng truyền thống. Trong khi đó, việc thúc đẩy du lịch khó tránh khỏi những hoạt động thương mại hoá các di tích, làm gia tăng sự hiện diện của “cái phàm” trong các không gian dành riêng cho sự chứa đựng và hiển thị “cái thiêng”. Điều đáng lo ngại là sự xuất hiện ngày càng nhiều các yếu tố ngoại lai, hay yếu tố đậm tính thế tục, tạo ra những tác động không hề nhỏ đối với cảm giác và trải nghiệm của người dân khi tiến vào nơi thờ cúng thần Thành hoàng như một di sản văn hoá, một nơi bảo lưu và trao truyền những ký ức vô giá của cộng đồng.

3.4. Các không gian thiêng đang chịu sự tác động rất mạnh mẽ

Có hai tác động chủ yếu đối với nơi thờ cúng thần Thành hoàng, nơi cũng là một trong những không gian thiêng của cộng đồng: sự tác động đến “phần mềm” và sự tác động đến “phần cứng”. “Phần mềm” có thể hiểu là tính thiêng của ngôi đình và của vị thần được thờ trong đó. Cảm nhận của người dân về tính linh thiêng của ngôi đình có sự thay đổi. “Trước đây phải có sự lễ, phải làm giỗ, vào đám thì mới mở cửa đình. Mà phải là đàn ông thuộc bậc trưởng thượng hoặc là chức sắc như lý tổng, chánh tổng mới được vào bên trong làm lễ. Bây giờ thì ai cũng ra vào được, tôi thấy mất thiêng đi” (PVS, nam, 87 tuổi, Đông Phương, Kiến Thụy). Một cách phổ biến thì ngày xưa, phụ nữ gần như không được phép vào bên trong đình, nhất là vào ngày có kinh nguyệt, vì họ được cho là không thanh sạch vào thời điểm đó. Người ta sợ rằng không gian thờ thần linh bị ô uế thì dân làng sẽ chịu sự trách phạt. Ngày nay, quan sát của chúng tôi cho thấy không còn phân biệt nam - nữ, mà ai cũng được vào tận trong gian tiền tế để dâng lễ lên thần Thành hoàng của làng. Vào ngày thường, nếu có việc cần khẩn cầu thần linh, người dân sắp lễ ra đình và cánh cửa luôn mở rộng. Sự thay đổi này không hẳn có ý nghĩa về bình đẳng giới, mà nó còn có cả tính thực dụng trong việc cởi mở tiếp nhận người hành lễ và những khoản tiền công đức. Nhưng như thế, cái ranh giới và khoảng cách giữa cái thiêng và cái phàm, giữa con người trần tục và thần linh, vốn rất rõ ràng trước kia, giờ đây ngày càng bị thu hẹp, hoặc xoá nhoà.

Một phần của cảm nhận về cái thiêng trước đây với nơi thờ thần Thành hoàng còn là không gian tĩnh lặng, tịch mịch, vắng vẻ. Ngày nay, các ngôi đình được tân trang khiến cho trông rực rỡ từ bên ngoài. Ở bên trong, hệ thống đèn điện chiếu sáng, đèn màu, quạt điện, hệ thống âm thanh,... được sử dụng rất phổ biến. Cái không khí thâm u, huyền bí, cổ xưa, đầy khác biệt với thế giới trần tục đã bị thay thế bởi cái hào nhoáng, sôi động, và hiện đại. Ở bên ngoài, một xu thế có thể quan sát rõ là ngày càng xuất hiện nhiều thêm các công trình phụ trợ tích hợp xung quanh đình làng. Đó là

nhà tiếp khách, nơi ở cho bảo vệ, bếp nấu cỗ, nơi sắp lễ, khu vực phục vụ rèn luyện sức khoẻ,... Một nơi thờ cúng ngày càng trở thành một công trình đa năng, phục vụ nhiều đối tượng có nhu cầu khác nhau.

Tác động về “phần cứng” của không gian thiêng còn dễ nhận thấy hơn, ở nhiều phương diện. Các cơ sở thờ cúng thần Thành hoàng làng ở huyện Kiến Thụy, cũng là các không gian thiêng đối với người dân trong khu vực cư trú, hiện nay chịu nhiều sự tác động. Những tác động này đa chiều, không đồng đều ở các địa phương khác nhau, và được thực hiện bởi các nhân tố có mục đích và động cơ khác nhau. Nghiên cứu của chúng tôi ở diện rộng hơn là với đồng bằng sông Hồng đã xác định được ba xu hướng phổ biến trong các hoạt động tác động đến các cơ sở thờ cúng (cũng được xem là các không gian thiêng) bao gồm: *phục dựng*, *nâng cấp* và *xây mới*. Kết quả của các xu hướng này là sự tái tạo lại cơ sở thờ cúng, không chỉ về giao diện bên ngoài, cấu trúc bên trong, mà còn về chức năng và ý nghĩa (Hoàng Văn Chung, 2021). Những xu thế này cũng được ghi nhận ở các địa phương khảo sát tại huyện Kiến Thụy.

Đáng chú ý nhất là việc các cơ sở thờ cúng được đánh giá lại một cách tổng thể và kỹ lưỡng bởi cả chính quyền và cộng đồng sở tại về các giá trị văn hóa, lịch sử, kiến trúc, hiện vật... Sự đánh giá này trước tiên là nỗ lực của cộng đồng trong việc xác định lại rõ ràng về nguồn gốc lịch sử của cơ sở thờ cúng, đánh giá hiện trạng của nó, và tìm ra những giá trị nổi bật (nếu có). Điều này xuất phát từ chính nhu cầu và sự tự ý thức của cộng đồng. Theo đó, các cộng đồng xem xét lại những thần tích, sắc phong cho thần còn lưu giữ được và làm sáng tỏ các nội dung trước đó chưa có điều kiện thực hiện. Đồng thời, việc đánh giá lại về giá trị của cơ sở thờ cúng còn quyết định bởi quá trình “di sản hóa” di tích do nhà nước thực hiện.

Có cộng đồng gặp tình thế khó khăn trong ứng xử với cơ sở thờ cúng của mình. Trong khi phải chạy đua với thời gian và nỗ lực chống xuống cấp và tôn tạo cơ sở thờ cúng của mình thì họ lại vướng những quy định về bảo vệ di tích theo Luật Di sản Văn hoá, cũng như sự chậm phản hồi của cơ quan chủ quản về di sản văn hoá. Điều này xảy ra nhiều hơn với những cơ sở thờ cúng đã được xếp hạng, nhất là các cơ sở nằm trong danh mục di tích cấp quốc gia. Câu chuyện phục dựng và tu bổ đình Kim Sơn (Tân Trào) là một ví dụ. Trải qua nhiều biến động của tự nhiên và giai đoạn tiêu thổ kháng chiến, ngôi đình cổ này chỉ còn lại 3 gian hậu cung và đã xuống cấp nghiêm trọng. Vì cũng là địa điểm hoạt động của cán bộ Cách mạng, đình được xếp hạng di tích “lịch sử cách mạng cấp quốc gia”, do đó theo Luật, nếu không có sự phê duyệt của chính quyền, không ai được tự ý thực hiện các hoạt động như phục dựng, sửa chữa, tôn tạo, hay nâng cấp. Tuy thế, sự xuống cấp mau chóng của cơ sở thờ thần Thành hoàng làng khiến cộng đồng dân cư địa phương rất lo lắng. Đó không chỉ là lo lắng về sự xuống cấp đe dọa sự tồn tại của công trình, mà còn là trách nhiệm bảo tồn không gian thờ cúng dành cho thần linh. Bởi người dân tin rằng thần Thành hoàng làng của họ rất thiêng, họ sợ bị trách phạt nếu không quan tâm và tôn tạo “nơi các ngài ngự”. Mặc dù thành phố Hải Phòng đã có đề xuất với chính phủ về việc lập dự án đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích đình Kim Sơn từ năm 2010 (Nguyễn Hà, 2021), nhưng trong thực tế, việc này đã kéo dài quá lâu mà vẫn chưa có thông tin chính thức nào về kết quả. Do đó, cộng đồng dân cư đã đứng ra vận động kinh phí theo mô hình “xã hội hoá” và tự triển khai việc gia cố hậu cung cùng với xây dựng 5 gian phía trước. Việc này bị tạm dừng khi chính quyền địa phương cho biết dự án vẫn chưa được nhà nước phê duyệt. Vào thời điểm tháng 9 năm 2021 khi chúng tôi có mặt, khuôn viên ngôi đình vẫn ở trạng thái dang dở, với nguyên vật liệu xây dựng nằm ngổn ngang phía trước. Theo đại diện Ban quản lý di tích, tình hình như thế làm nản lòng người dân địa phương và những nhà tài trợ đã đóng góp kinh phí và nhân công cho công trình. Vào tháng 7/2022,

khi chúng tôi quay trở lại, việc phục dựng và tôn tạo đã đình đã gần như hoàn tất theo bản tự thiết kế của người dân. Vấn đề giờ đây lại là nhà nước phải chấp nhận và hợp thức hóa những gì người dân đã làm hay là gỡ bỏ và làm lại từ đầu khi dự án chính thức được phê duyệt.

Một vấn đề cần nói thêm là có sự cạnh tranh nhất định của các “không gian thiêng” mới được tạo lập với các không gian thiêng đã có. Trong chuyến khảo sát diễn ra vào tháng 7/2022, chúng tôi phát hiện ít nhất hai cơ sở thờ cúng do người dân tự phát lập nên. Ban đầu chỉ từ là nơi thờ cúng chó đá (trong trường hợp ở Kim Sơn), hay là trên nền đất của đình trước đây (trong trường hợp ở Hòa Liễu), một cá nhân tự xây lên miếu nhỏ, đưa vào đó tượng, bài vị, đồ thờ... Những cộng đồng thờ cúng nhỏ đã hình thành, nghi lễ được thực hiện đều đặn, và tự tạo ra “tính chính danh” về thờ thần Thành hoàng của làng qua những chuyện kể, giấc mơ, lời đồn đại. Ở cả hai địa phương, những cơ sở này chưa được kiểm soát. Sự tồn tại những cơ sở như thế làm nhiều loạn thông tin, ảnh hưởng đến sự chính thống và trang nghiêm của thờ cúng thành hoàng làng tại những nơi đã được chính quyền và người dân chính thức thừa nhận.

4. Kết luận

Sự phục hồi đã đi cùng với những đổi mới trong tín ngưỡng và thực hành thờ cúng thần Thành hoàng ở huyện Kiến Thụy. Hiện tượng này nằm trong xu thế chung của Hải Phòng nói riêng và vùng đồng bằng Bắc Bộ nói chung. Một trong những hệ quả là tín ngưỡng này đã hình thành những động năng mới (cải biên, tích hợp đối tượng thờ cúng mới, có thể huy động các nguồn lực xã hội...). Đồng thời, các cơ sở thờ cúng biểu hiện những chức năng mới (nơi triển khai những chương trình văn hóa, giáo dục lịch sử, thư giãn, rèn luyện sức khỏe, là sản phẩm du lịch...). Những thay đổi này về cơ bản có thể luận giải là để nhu cầu đậm tính tôn giáo dân gian này được thỏa mãn tốt hơn trong điều kiện đời sống kinh tế và văn hóa có sự cải đổi mạnh mẽ. Đồng thời, sự thay đổi đó là kết quả của sự nỗ lực thích ứng niềm tin và thực hành thờ cúng thần Thành hoàng (vốn đi liền với các thiết chế làng xã trước đây) với bối cảnh xã hội hiện tại chịu tác động mạnh mẽ của các quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá.

Trong những vấn đề đang đặt ra từ quá trình phục hồi và thích ứng niềm tin và thực hành nghi lễ hướng tới thần Thành hoàng, đáng chú ý là nhu cầu rất lớn, nhưng chưa được đáp ứng và giải quyết tốt trong bảo tồn, tôn tạo và nâng cấp cơ sở thờ cúng và về không gian cần thiết cho tổ chức các lễ hội cộng đồng. Bên cạnh đó, có sự “vênh” giữa việc phục dựng và cải biên nghi lễ và lễ hội để đáp ứng chính nhu cầu của cộng đồng dân cư địa phương với việc đáp ứng đòi hỏi của các chương trình văn hóa, các quy định pháp luật của nhà nước.

Trên nền tảng những yếu tố địa - văn hóa riêng biệt, xứ Đông xưa, trong đó có Hải Phòng hôm nay, là một địa bàn mang nhiều dấu ấn của văn hóa võ biên và nền kinh tế hàng hóa pha sông biển. Những yếu tố này ngày nay vẫn còn đọng lại, ghi dấu trong văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo, địa danh nơi đây, vì thế, rất cần một chiến lược quy hoạch và phát triển thật sự khoa học và có tầm nhìn để việc bảo tồn không cản trở nhu cầu phát triển kinh tế mà vẫn phát huy được các giá trị của tín ngưỡng Thành hoàng như một di sản văn hóa sống.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Văn Chung (2021), “Tái tạo không gian thiêng ở đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh mới”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 4.
2. Chu Xuân Giao, Phan Lan Hương (2012), “Minh thế trong quá khứ và ước vọng hôm nay”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1 (139).

3. Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Kim Hoa (2008), “Nghiên cứu thống kê phân loại văn bia Hải Phòng”, *Thông báo Hán Nôm học 2008*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.
5. Ngô Minh Khiêm (2021), “Tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng”, *Kỷ yếu Hội thảo Thờ cúng Thành hoàng ở Hải Phòng, lịch sử, hiện tại và xu hướng biến đổi*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội.
6. Ngô Đăng Lợi (2010), *Hải Phòng - Thành hoàng và Lễ phàm*, Nxb Dân Trí, Hà Nội.
7. Ngô Đăng Lợi (2021), “Lịch sử thờ cúng thành hoàng làng ở huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng”, *Kỷ yếu Hội thảo Thờ cúng Thành hoàng ở Hải Phòng, lịch sử, hiện tại và xu hướng biến đổi*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Hà Nội.
8. Lê Hồng Lý (2018), “Phục hưng lễ hội truyền thống Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, trong: Nhiều tác giả, *Tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam trong bối cảnh mới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
9. Nguyễn Ngọc Mai (2021), *Biến đổi của tôn giáo dân gian trong chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Đỗ Lan Phương (2018), “Sắc diện mới của thần Thành hoàng và thần làng hiện nay (qua dữ liệu ở một số làng của Hà Nội, Bắc Ninh và Bắc Giang)”, trong: Nhiều tác giả, *Tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam trong bối cảnh mới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
11. Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng (2009), *Kiến Thụy xưa và nay*, Nxb Lao động, Hà Nội.
12. Nguyên Hà (2021), “Cho ý kiến về việc lập dự án bảo tồn, tu bổ và tôn tạo di tích Đình Kim Sơn, Đền Hạ”, <https://baochinhphu.vn/cho-y-kien-ve-viec-lap-du-an-bao-ton-tu-bo-va-ton-tao-di-tich-dinh-kim-son-den-ha-tp-hai-phong-10267919.htm>, truy cập ngày 11/4/2022.
13. Liên Đoàn (2021), “Huyện Kiến Thụy, giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản năm 2021 ước đạt 1.771,4 tỷ đồng”, <https://thanhphohaiphong.gov.vn/huyen-kien-thuy-gia-tri-san-xuat-nong-nghiep-thuy-san-nam-2021-uoc-dat-1-7714-ty-dong.html>, truy cập ngày 8/5/2022.